

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ ĐẠI HỌC QUỐC GIA CAMPINAS, BRAZIN (UNICAMP) VỀ QUẢN LÝ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Phạm Thị Thuý Hằng và Nguyễn Thanh Hùng  
*Khoa Tâm lí – Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*

**Tóm tắt.** Bài viết giới thiệu về mô hình quản lý sở hữu trí tuệ của Đại học bang Campinas (University of Campinas – Unicamp). Những năm qua, Unicamp áp dụng thành công các chính sách quản lý sở hữu trí tuệ (SHTT) mang tính đột phá, tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động bảo vệ quyền SHTT và chuyển giao công nghệ. Các chính sách tập trung khai thác yếu tố quyền sở hữu trí tuệ để đưa thành quả nghiên cứu vào đời sống, thúc đẩy sáng tạo như: thành lập bộ phận chuyên trách chuyển giao công nghệ; chú trọng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp; cách thức phân chia lợi nhuận – kích thích sáng tạo với đòn bẩy tài chính là bài học từ đại học Campinas. Việc nghiên cứu mô hình quản lý SHTT ở Unicamp cũng là cơ sở đối chiếu và đề xuất chính sách phù hợp áp dụng trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ cho các trường đại học (ĐH) Việt Nam.

**Từ khóa:** Sở hữu trí tuệ, quản lý sở hữu trí tuệ, quản lý sở hữu trí tuệ trong trường đại học.

### 1. Mở đầu

Nghiên cứu về vấn đề quản lý sở hữu trí tuệ (SHTT) trong trường đại học (ĐH) đã được quan tâm chú trọng tại nhiều nước trên thế giới, trong khuynh hướng này có thể nhấn mạnh các nghiên cứu, khảo cứu tiêu biểu như: Nanyaro (2000); Graham & Archer (2002); Giorgio (2006); Hua Guo (2007); Nelsen (2009); Fernandez (2010); Wang (2012); Sabrina, Valeria, Aurora, Henrique (2013). Trong đó, các nghiên cứu liên quan đến quản lý SHTT trong trường ĐH tại Brazil như: Giorgio (2006) đề cập đến mô hình chuyển giao công nghệ (CGCN) của ĐH Quốc gia Campinas (University of Campinas – Unicamp); nhóm tác giả Sabrina, Valeria, Aurora, Henrique (2013) công bố kết quả nghiên cứu về mô hình quản lý SHTT và cách thức áp dụng các chính sách để giải quyết các vấn đề về quyền SHTT (IPR) cũng như cấp phép công nghệ ở 4 trường ĐH tại Brazil: ĐH Tiểu bang Campinas (Unicamp); ĐH Liên bang Minas Gerais (UFMG); ĐH Liên bang Rio de Janeiro (UFRJ); ĐH Liên bang Rio Grande do Sul (UFRGS). Các nghiên cứu cho thấy có nhiều sự khác biệt trong quản lý SHTT ở các trường ĐH tại Brazil, đặc biệt TTO (Technology transfer office - Văn phòng chuyên trách chuyển giao công nghệ) của các trường là một trung tâm năng động đóng góp to lớn cho trường ĐH khi trao bằng sáng chế và chuyển giao kiến thức cũng như điều phối các hoạt động liên quan đến sáng chế và chuyển giao kiến thức một cách khoa học và đạt hiệu quả cao [1, 2]. Như vậy, có thể thấy rõ ràng các trường ĐH trên thế giới nói chung và ở Brazil

---

Ngày nhận bài: 15/12/2017. Ngày sửa bài: 20/2/2018. Ngày nhận đăng: 25/2/2018  
Liên hệ: Phạm Thị Thuý Hằng, e-mail: [pham\\_thuyhang2001@yahoo.com](mailto:pham_thuyhang2001@yahoo.com); [tuanhung27@yahoo.com](mailto:tuanhung27@yahoo.com)

nói riêng đã rất quan tâm chú trọng trong nghiên cứu cũng như triển khai các hoạt động quản lý SHTT trong thực tiễn thông qua những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo vệ quyền SHTT và CGCN trong trường ĐH.

Ở Việt Nam gần đây, thực tế nghiên cứu tại các trường ĐH, các viện nghiên cứu cũng cho thấy rõ xu hướng ngày càng quan tâm tới lĩnh vực SHTT, tuy nhiên, những nghiên cứu về quản lý hoạt động SHTT ở trường ĐH còn khá khiêm tốn, chủ yếu tồn tại dưới dạng các bài báo, tham luận tại các hội nghị khoa học. Nghiên cứu của các tác giả Trương Thị Thuỳ Trang (2007), Trần Văn Hải (2011), Bảo Tiên (2013) là những nghiên cứu đáng chú ý về quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH Việt Nam. Đáng chú ý là bài viết của Anh Vũ (2017), “Chuyển giao công nghệ từ trường đại học: kinh nghiệm từ Brazil” đăng trên Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ (STINFO) số 1&2 - Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh đã đề cập đến những bài học từ ĐH Campinas, Brazil trong CGCN. Theo tác giả, việc thành lập bộ phận chuyên trách CGCN, định hướng nghiên cứu ứng dụng theo nhu cầu khách hàng, tập trung khai thác yếu tố quyền SHTT để đưa thành quả nghiên cứu vào đời sống, thúc đẩy sáng tạo là bài học từ ĐH Campinas [10], tuy nhiên bài viết của tác giả chưa đưa ra những định hướng vận dụng bài học kinh nghiệm về CGCN ở các trường ĐH Việt Nam.

Sự thành công của Unicamp, đơn vị đứng đầu trong CGCN ở Brazil và Mỹ Latinh với mô hình, cơ chế quản lý hoạt động SHTT mang “dáng dấp của một doanh nghiệp kinh doanh hơn là một cơ quan hành chính” (Bảo Tiên, 2013) đã khuyến khích các trường ĐH khác cũng như các công ti, doanh nghiệp ở Brazil xem Unicamp như một mô hình quản lý mà họ hướng tới [4]. Nghiên cứu các chính sách áp dụng trong mô hình quản lý hoạt động SHTT của ĐH Unicamp là những bài học kinh nghiệm bổ ích mà giáo dục đại học Việt Nam có thể tham khảo và học tập.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Sự cần thiết của quản lý sở hữu trí tuệ ở trường đại học**

Tầm quan trọng của SHTT ngày nay đã vượt qua khỏi việc bảo hộ một cách đơn thuần các sáng tạo trí tuệ và trở thành một lĩnh vực vô cùng năng động đang ảnh hưởng mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống văn hoá, kinh tế xã hội của các quốc gia trên thế giới. Với tư cách là những yếu tố cấu thành của xã hội hiện đại, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng cũng không nằm ngoài sự tác động trực tiếp của hệ thống SHTT (Nguyễn Thị Quế Anh, 2008) [3]. Các trường ĐH đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế tri thức bởi việc sáng tạo và phổ biến tri thức luôn là tâm điểm trong mọi hoạt động của trường ĐH, bên cạnh công tác giảng dạy và là một trung tâm nghiên cứu khoa học (NCKH), các trường ĐH đã trở thành một nguồn cung cấp lớn các kết quả sáng tạo trí tuệ có vai trò to lớn và tác động tích cực đến nền kinh tế của mỗi quốc gia. Theo WIPO (World Intellectual Property Organization - Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, 2016), “kiến thức và công nghệ tạo ra trong các trường đại học và PRIs (Public research institutions - Viện nghiên cứu công) mang lại những lợi ích to lớn về kinh tế và xã hội. Nhận được những kết quả sáng tạo trí tuệ từ nghiên cứu cho thị trường là lí do chính cho một trường ĐH và PRIs phát triển IP (Intellectual property - Chính sách sở hữu trí tuệ) mạnh mẽ”.

Khuynh hướng xây dựng nền văn hóa SHTT tại Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các trường ĐH, mặt khác, trong bối cảnh hiện nay việc thực thi pháp luật SHTT là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng đào tạo và tiến đến đánh giá mức độ hội nhập của một trường ĐH. Vì vậy, trường ĐH là một trong những địa chỉ quan trọng cần xây dựng môi trường văn hóa SHTT, đồng thời việc quản lý và khai thác hoạt động SHTT ở trường ĐH ngày càng trở nên quan trọng. Nhận thức được giá trị to lớn

của việc quản lí và khai thác hoạt động SHTT ở trường ĐH, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008) đã ban hành Quy định về quản lí hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học. Mục đích quản lí hoạt động SHTT theo quy định về quản lí hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục ĐH là nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền SHTT và bảo vệ tài sản trí tuệ của cá nhân, tập thể, tổ chức và của chính cơ sở giáo dục ĐH. Các nội dung quản lí hoạt động SHTT theo quy định bao gồm: tổ chức bộ phận chuyên trách quản lí hoạt động SHTT; quản lí hoạt động nhận diện, xác định quyền sở hữu; thống kê và quản lí về mặt hành chính SHTT từ các kết quả NCKH, hoạt động giảng dạy; quản lí hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu pháp lí SHTT; quản lí hoạt động khai thác thương mại các tài sản SHTT [5]. Đồng thời, nghiên cứu của Trương Thùy Trang (2007) đề cập đến một quy trình hiệu quả về quản lí và khai thác SHTT bao gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn sáng tạo và hình thành tài sản SHTT; Giai đoạn xác lập quyền sở hữu pháp lí SHTT; Giai đoạn thương mại SHTT [6]. Như vậy, dựa trên những cơ sở nêu trên có thể hiểu quản lí SHTT trong trường ĐH là những hoạt động nhằm bảo đảm quyền sở hữu và khai thác thương mại đối với các tài sản SHTT của mình, hoạt động quản lí SHTT là tổng thể một quá trình gồm nhận diện tài sản SHTT từ kết quả hoạt động NCKH, quản lí các tài sản SHTT tránh thất thoát, xác lập quyền SHTT, chống lại các hành vi xâm phạm quyền SHTT và khai thác thương mại SHTT.

## 2.2. Unicamp và các chính sách quản lí sở hữu trí tuệ trong trường đại học

Unicamp thành lập vào năm 1962 và được thiết kế từ đầu như một hệ thống tích hợp của trung tâm nghiên cứu. Lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu của Unicamp rất rộng, đặc biệt là về sức khỏe, sản xuất công nghiệp, công nghệ thông tin, hóa chất, nông nghiệp và khai thác nguồn lực tự nhiên. Unicamp có quyền tự chủ đối với chính sách giáo dục nhưng phụ thuộc vào chính phủ Tiểu bang Sao Paulo đối với ngân sách của mình, vì vậy, nguồn tài chính chủ yếu lấy từ chính phủ Tiểu bang Sao Paulo và các tổ chức tài trợ quốc gia và quốc tế (Wikipedia, 2017) [13].

Trong quá trình hoạt động, Unicamp hiểu rằng khoa học công nghệ (KH-CN) không chỉ là cơ sở để nâng cao chất lượng giáo dục mà còn là một nguồn thu nhập, vì thế Unicamp rất chú trọng đẩy mạnh hợp tác giữa Unicamp - doanh nghiệp - cơ quan nhà nước và các tổ chức đào tạo, nghiên cứu khác để ứng dụng công nghệ mới và hỗ trợ các sáng kiến nghiên cứu của mình, thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Kết quả, Unicamp được coi là một trong những trường ĐH thành công nhất của Brazil với sự hợp tác để đổi mới và nắm giữ hàng trăm hợp đồng CGCN, dịch vụ kĩ thuật với các công ti, đặc biệt là các công ti nằm trong khu vực Campinas, Unicamp cũng tạo ra nhiều bằng sáng chế hơn bất kì tổ chức nghiên cứu nào khác ở Brazil, chỉ đứng sau nhà nước Petrobras. Trong năm 2015, QS (Quacquarelli Symonds - Bảng xếp hạng các trường Đại học trên thế giới) xếp hạng Unicamp nằm trong 195 trường ĐH tốt nhất trên thế giới và là một trong 24 trường ĐH tốt nhất của BRIC (khối các nền kinh tế lớn mới nổi gồm Brazil, Nga (Russia), Ấn Độ (India), Trung Quốc (China) và Nam Phi (South Africa)) và các nước đang phát triển khác [12]. Có được những thành tựu như trên, những năm qua Unicamp đã áp dụng thành công các chính sách quản lí SHTT mang tính đột phá, tập trung khai thác yếu tố quyền SHTT để đưa thành quả nghiên cứu vào đời sống.

+ Inova - văn phòng chuyên trách chuyển giao công nghệ của trường đại học Unicamp: TTO của Unicamp là Inova (Unicamp Innovation Agency) thành lập vào năm 2003 – cơ quan CGCN đầu tiên được thành lập trong trường ĐH ở Brazil, từ đó đến nay, tổ chức này đã tạo nên chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động bảo vệ quyền SHTT và CGCN của Unicamp.

Nhấn lực của Inova khoảng 50 nhân viên thực hiện các hoạt động liên quan đến phát triển sáng tạo của 22 trung tâm nghiên cứu thuộc Unicamp với hơn 2.000 chuyên gia trải rộng trên

bốn lĩnh vực chính: i) quản lý SHTT; ii) chuyển giao công nghệ; iii) hệ thống đổi mới địa phương (Incamp, Inovasoftware, Trung tâm nghiên cứu và Innovation, Unicamp Ventures); iv) đào tạo và hợp tác. Mục tiêu của Inova là thiết lập mạng lưới và đẩy mạnh hợp tác giữa Unicamp - doanh nghiệp - cơ quan nhà nước và các tổ chức đào tạo, nghiên cứu khác để ứng dụng công nghệ mới trong phát triển kinh tế - xã hội Brazil. Nhiệm vụ chủ yếu của Inova là thay mặt Unicamp quản lý và thực hiện việc bảo vệ quyền SHTT trong nước và quốc tế; CGCN; quản lý vườn ươm Unicamp, quản lý công viên khoa học và công nghệ Unicamp. Inova xem quyền SHTT là công cụ cần thiết để phổ biến kiến thức, và biến kiến thức trở nên hữu ích trong xã hội bằng việc thúc đẩy CGCN đến doanh nghiệp, phát triển sáng tạo và là cầu nối giữa trường ĐH và doanh nghiệp. Tiến hành CGCN, Inova đàm phán cấp phép sử dụng công nghệ cho các doanh nghiệp, hỗ trợ các nhà nghiên cứu của Unicamp trong việc chuyển nhượng các sáng chế, thúc đẩy nghiên cứu, Inova luôn cố gắng cung cấp công nghệ đã được bảo vệ quyền sở hữu (Giorgio, 2006) [1].

Quá trình bảo vệ tài sản trí tuệ của Unicamp bắt đầu từ năm 1989, khi lần đầu nộp đơn đăng ký bảo hộ 3 sáng chế tại INPI (Brazil's National Institute of Industrial Property - Tổ chức Sở hữu Công nghiệp quốc gia Brazil), 5 năm sau khi Inova được thành lập số lượng sáng chế Unicamp đăng ký mới tại INPI tăng mạnh với 249 sáng chế, 35 nhãn hiệu hàng hóa, 36 phần mềm máy tính. Về bảo hộ sáng chế quốc tế, trước khi Inova được thành lập, Unicamp chỉ có 1 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế quốc tế; sau 5 năm thành lập Inova, đã đăng ký mới 19 sáng chế bảo hộ quốc tế theo PCT (Patent Cooperation Treaty - Hiệp ước về hợp tác sáng chế). Tính đến năm 2007, Unicamp đã đăng ký hơn 500 sáng chế, hiện là đơn vị hàng đầu ở Brazil cũng như châu Mỹ La Tinh trong việc bảo hộ quyền SHTT trong nước và quốc tế (Anh Vũ, 2017) [10]. Điều này cho thấy, kết quả CGCN của Inova là rất ấn tượng, mang tính đột phá, mặc dù còn rất trẻ nhưng chỉ trong thời gian ngắn sau khi Inova được thành lập, hoạt động CGCN tại Unicamp gia tăng đáng kể và đã đạt được nhiều kết quả CGCN hơn cả toàn bộ lịch sử trước đó của Unicamp.

Sở dĩ Unicamp thành công nhanh chóng và ấn tượng như vậy bởi vì cái cốt lõi mà Unicamp hướng đến là thị trường - định hướng nghiên cứu ứng dụng theo nhu cầu khách hàng, cùng với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp về CGCN và thực hiện cách thức phân chia lợi nhuận mang tính đột phá đồng thời chú trọng gắn kết trường ĐH với doanh nghiệp (kết nối nghiên cứu với thực tiễn).

+ Định hướng nghiên cứu ứng dụng theo nhu cầu khách hàng – thị trường: Không chỉ đưa công nghệ của Unicamp ra thị trường, Inova tập trung ưu tiên vào nhu cầu khách hàng thông qua khảo sát thị trường, tìm giải pháp phù hợp để cung ứng. Nghĩa rằng, thay vì lựa chọn công nghệ của Unicamp và cung cấp cho thị trường, Inova lại phát hiện ra nhu cầu thị trường đầu tiên và sau đó tìm kiếm các giải pháp bên trong của trường ĐH để đáp ứng nhu cầu đó. Unicamp là trường ĐH với nhiều ngành công nghệ và mỗi khi họ phát hiện ra nhu cầu thị trường, họ cung cấp cho thị trường nhiều lựa chọn hơn sự mong đợi của khách hàng (Bảo Tiên, 2013) [4].

+ Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp về chuyển giao công nghệ: Một yếu tố quan trọng tạo nên sự thành công của Unicamp – Inova là nguồn nhân lực, Inova có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp về CGCN, đa số họ đến từ các tổ chức tư nhân và có kỹ năng kinh doanh rất tốt. Nhân viên của Inova được lựa chọn thông qua thủ tục đấu thầu công khai thực hiện bởi tổ chức hỗ trợ trường ĐH hoặc của chính trường ĐH, ngoài ra còn có các nhân viên tạm thời được tuyển dụng trên cơ sở các khoản tài trợ do các cơ quan tài trợ cung cấp. Trong hoạt động CGCN của Unicamp, một số giai đoạn của quy trình CGCN được xử lý bởi một người duy nhất chịu trách nhiệm và tập trung vào một lĩnh vực công nghệ cụ thể, ngoài ra, nhóm chịu trách nhiệm thương mại là những người đã được huấn luyện các kỹ năng đặc biệt trong kinh doanh, đàm phán, điều tra thị trường, đánh giá (Giorgio, 2006) [1].

+ Phân chia lợi nhuận – sử dụng đòn bẩy tài chính kích thích sáng tạo: Unicamp thực hiện

cách thức phân chia lợi nhuận mang tính đột phá, họ chú trọng và ưu ái dành nhiều lợi ích cho nhà phát minh mức cao nhất. Theo Luật của Brazil, người sử dụng lao động được quyền sở hữu toàn bộ kết quả sáng tạo của người lao động nên Unicamp sở hữu toàn bộ kết quả nghiên cứu phát sinh từ nguồn nhân lực của trường. Đối với các nghiên cứu do Unicamp tài trợ, quyền sở hữu được chia sẻ 50/50, trường hợp đối tác muốn sở hữu toàn bộ Inova sẽ thay mặt Unicamp giải quyết bằng cách nhượng lại phần sở hữu của Unicamp cho đối tác. Luật cũng quy định, trong khu vực nhà nước, nhà sáng chế sẽ nhận tiền bản quyền tác giả từ 5% - 33% tiền bản quyền (hay thu nhập chuyển nhượng) khi cấp phép sử dụng công nghệ, để thúc đẩy sáng tạo, Unicamp đảm bảo tác giả sẽ nhận được 33% thu nhập từ tiền bản quyền và cấp phép với những phát minh khu vực công. Ngoài ra, các giáo sư, nhà khoa học, sáng chế cũng được trả tiền cho bất kì tư vấn mà họ thực hiện (Giorgio, 2006) [1]. Điều đó mang ý nghĩa rất to lớn, kích thích phong trào sáng tạo, phát minh. Hơn nữa các giáo sư, nhà khoa học, sáng chế hầu hết ít quan tâm và có kinh nghiệm về việc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, và ít có khả năng biến chúng trở nên hiệu quả thật sự về mặt kinh tế và xã hội. Do vậy, Unicamp và các nhà sáng chế đã thông qua Inova đã để thương mại hóa công nghệ và nhận một phần phí chuyển nhượng để tiếp tục hoạt động sáng tạo.

+ Gắn kết trường đại học với doanh nghiệp (kết nối nghiên cứu - thực tiễn): Hoạt động của Inova đã mang lại nhiều lợi ích cho Unicamp và doanh nghiệp: một bên có công nghệ mới để sử dụng và một bên thêm cơ hội để sáng tạo, phát triển công nghệ mới. Việc cấp phép sử dụng công nghệ mang đến nguồn thu nhập cần thiết, tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu tiếp tục sáng tạo công nghệ mới, chính nhờ có các công nghệ mới nên Inova có thể phát triển thêm nhiều đối tác khác để phát triển hoạt động CGCN. Dưới áp lực cạnh tranh trong và ngoài nước, nhiều doanh nghiệp Brazil tìm kiếm những ý tưởng và công nghệ mới để phát triển sản phẩm mới mà không cần phải đầu tư nhiều nguồn lực cho nghiên cứu và triển khai nhờ vào sự hợp tác với các trường ĐH (Anh Vũ, 2017) [10].

### **2.3. Bài học kinh nghiệm cho các trường đại học Việt Nam trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ**

Trên cơ sở quy định về quản lý hoạt động SHTT trong cơ sở giáo dục đại học của bộ GD-ĐT, một số trường ĐH đã bắt đầu ban hành quy định về quản lý hoạt động SHTT và đã có những triển khai ban đầu về quản lý SHTT trong trường ĐH. Tuy nhiên, tính khả thi cũng như việc thực thi các quy định là một thách thức lớn đối với tất cả các nhà quản lý giáo dục và các thành phần liên quan, chưa có một trường ĐH nào có chính sách quản lý SHTT thành công để có thể trở thành một điển hình thuyết phục tại Việt Nam. Thực tiễn cho thấy, với nguồn tài chính hạn chế, nhân lực chưa đủ trình độ chuyên môn - nghiệp vụ, hơn nữa bản thân chưa quan tâm đầy đủ và đúng mực về vấn đề này nên việc quản lý hoạt động SHTT ở các trường ĐH Việt Nam hiện nay đang còn nhiều khoảng trống và chưa phát huy hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện chức năng đào tạo và nghiên cứu, các trường ĐH tạo ra sản phẩm qua hoạt động giảng dạy và KHCN, đó chính là tài sản trí tuệ của nhà trường. Vì vậy, quản lý và bảo hộ quyền SHTT có hiệu quả là nghĩa vụ cũng là quyền và lợi ích hợp pháp, đồng thời là một trong những yêu cầu để nâng cao chất lượng đào tạo trong các trường ĐH. Tùy thuộc vào lĩnh vực đào tạo và yêu cầu nghiên cứu mỗi trường có thể tự chọn cho mình cơ chế đặc thù để quản lý và bảo hộ quyền SHTT, tuy nhiên với những đặc điểm chung của một cơ sở có chức năng đào tạo ở bậc ĐH và sau ĐH, đồng thời trong chừng mực phạm vi quyền hạn của mình, các trường ĐH cũng có thể hoàn thiện các chính sách quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH để thực hiện tốt hơn công việc này. Từ việc nghiên cứu, tìm hiểu các chính sách quản lý SHTT ở ĐH Campinas - Brazil, tác giả xin đề xuất định hướng vận dụng bài học kinh nghiệm quản lý hoạt động SHTT trong trường

ĐH Việt Nam.

### **2.3.1. Định hướng vận dụng bài học kinh nghiệm trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ cho các trường đại học Việt Nam**

#### *a. Xây dựng bộ máy chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong trường đại học*

Kết quả NCKH do trường ĐH thực hiện có vai trò to lớn và tác động tích cực đến nền kinh tế của mỗi quốc gia nếu như các tri thức ấy được các trường ĐH quản lý tốt và chuyển giao cho các khu vực kinh tế khác, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân khai thác. Bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng kí bảo hộ độc quyền các sản phẩm khoa học; chú trọng việc khai thác giá trị SHTT bằng hoạt động thương mại hóa; đây còn là nơi giải quyết các thách thức trong sự phù hợp về thể chế với nhu cầu thị trường.

Hiện nay, hầu hết các trường ĐH Việt Nam đều chưa thành lập đơn vị chuyên trách về SHTT và CGCN, một số trường ĐH Kỹ thuật tại Việt Nam gần đây đã bắt đầu tổ chức nhóm hoặc bộ phận chuyên trách về SHTT nằm trong phòng KH-CN hoặc Quản lý khoa học của trường. Tuy nhiên công tác quản lý hoạt động SHTT vẫn được xem như là công việc thứ yếu, kiêm nhiệm của cán bộ phòng KHCN, không đòi hỏi chuyên môn và mức độ tập trung cao cho lĩnh vực công việc này, với quan điểm và cách thức thực hiện cơ cấu tổ chức nhân sự như vậy thì không thể làm tốt công tác quản lý SHTT. Do vậy, cần hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH bằng cách tách riêng bộ phận quản lý hoạt động SHTT ra khỏi phòng KHCN, trước mắt, bộ phận này cần ít nhất 2 cán bộ chuyên trách công việc đòi hỏi chuyên môn và mức độ tập trung cao. Trong tương lai, bộ phận này sẽ phát triển thành trung tâm SHTT có con dấu và tài khoản riêng.

- Cơ cấu, tổ chức và hoạt động của đơn vị chuyên trách về quyền SHTT tùy thuộc quy mô và tần suất sử dụng các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ và các loại quyền SHTT mà trường nắm giữ.

- Mục tiêu hoạt động của bộ phận chuyên trách về SHTT cần hướng tới là: nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên, sinh viên hiểu và nắm rõ các quy định của pháp luật và các quy chế của nhà trường về SHTT; xây dựng ý thức tôn trọng quyền SHTT cho cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên trong trường; đề xuất và thực hiện các biện pháp quản lý và bảo hộ quyền SHTT; thúc đẩy khai thác và ứng dụng các thành quả nghiên cứu của nhà trường, nâng cao giá trị thương mại của quyền SHTT đem lại các lợi ích kinh tế cho nhà trường.

- Nhiệm vụ của bộ phận chuyên trách về SHTT cần thực hiện là hỗ trợ các đơn vị trong trường trong công tác phát hiện, khai báo, thẩm định, đăng kí bảo hộ quyền SHTT và CGCN, hoạt động này không chỉ ở giai đoạn SHTT đã hình thành mà ngay từ lúc triển khai nghiên cứu đã có thể xúc tiến thương mại để huy động thêm đầu tư tài chính từ bên ngoài. Đơn vị chuyên trách về quyền SHTT cũng sẽ chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu nhà trường khi có tranh chấp hay khiếu kiện liên quan đến SHTT phát sinh, tránh các tranh chấp và giảm thiểu chi phí giải quyết tranh chấp cho nhà trường. Trung tâm còn đảm nhiệm công tác hỗ trợ thương thảo và đàm phán các hợp đồng license công nghệ nhằm bảo vệ quyền lợi của trường ĐH và tránh việc SHTT bị đánh cắp trong quá trình chuyển giao.

Như vậy, việc xây dựng và hỗ trợ cơ quan/văn phòng CGCN có các nguồn lực và năng lực để bảo vệ và khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ là cần thiết trong quản lý hoạt động SHTT ở trường ĐH vì lợi ích của cả nhà trường và xã hội.

#### *b. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhân viên bộ máy chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong trường đại học*

Đội ngũ nhân viên bộ máy chuyên trách quản lý hoạt động SHTT chính là đội ngũ chuyên gia về SHTT, có vai trò tư vấn về mặt hành chính, pháp lí, về chính sách SHTT cũng như cơ sở hạ

tăng cho các nhà khoa học, nghiên cứu, nhà quản lí trường ĐH để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động SHTT trong nhà trường, chính vì vậy, năng lực chuyên môn của những cán bộ phụ trách hoạt động quản lí SHTT là một yếu tố đóng vai trò quan trọng đối với hiệu quả công tác quản lí hoạt động SHTT ở trường ĐH.

Theo một nghĩa hẹp, bằng sáng chế có thể được coi là thành quả có ý nghĩa to lớn trong việc thúc đẩy sự nghiệp của nhà khoa học, nhà nghiên cứu, cán bộ, giảng viên trong giới học thuật. Khi các nhà nghiên cứu, nhà khoa học có giải pháp kĩ thuật hoặc sáng chế, đề tài NCKH trong toàn bộ quá trình thực hiện nếu có khả năng phát sinh SHTT cần được đăng kí, lúc này, đội ngũ nhân viên của văn phòng quản lí SHTT trong trường ĐH chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng kí bảo hộ độc quyền các sản phẩm khoa học của cán bộ, giảng viên, nhà khoa học, nghiên cứu, đồng thời chú trọng việc khai thác giá trị SHTT bằng hoạt động thương mại hóa quản lí hoạt động SHTT trong trường ĐH. Bên cạnh đó, với chức năng tham mưu, người phụ trách hoạt động quản lí SHTT cũng cần có sự theo dõi, giám sát và hỗ trợ trong quá trình khai báo của nhà khoa học. Mặt khác, một đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lí SHTT chuyên nghiệp, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc thúc đẩy các nhiệm vụ KHCN của nhà trường còn có thể xây dựng hệ thống chuyển giao những thành quả của NCKH công nghệ cho thị trường trên các khía cạnh: giao dịch, tiếp thị và thu hút đầu tư từ bên ngoài.

Tuy nhiên, sự thiếu hụt về cán bộ chuyên trách cũng như hạn chế về nguồn kinh phí nên hoạt động quản lí SHTT tại các địa phương trên cả nước chỉ có thể tập trung vào một số mảng hoạt động như tuyên truyền phổ biến kiến thức, tổ chức hội thi sáng tạo mà chưa tập trung vào những hoạt động như xác lập quyền và bảo vệ quyền SHTT (Phạm Anh Tuấn, 2011) [9]. Các trường ĐH Việt Nam hiện nay cũng gặp phải thực tế nêu trên: số lượng cán bộ chuyên trách SHTT còn quá ít, bộ phận phụ trách SHTT hiện chủ yếu vẫn được ghép chung với các bộ phận khác hoặc nằm trong một phòng chuyên môn chung dẫn đến những khó khăn trong việc nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ chuyên trách, hơn nữa hầu hết những cán bộ của bộ phận chuyên trách tại các trường ĐH, ngay cả người đứng đầu cũng chưa được đào tạo nghiêm túc về quản lí SHTT nên chưa đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn đặt ra của công tác quản lí và thực thi quyền SHTT. Vì vậy, để có được đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp chuyên trách quản lí SHTT, trường ĐH cần quan tâm chú trọng từ các khâu: đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân lực này.

- Đào tạo: các trường ĐH, Viện nghiên cứu cần phát huy vai trò của mình trong lĩnh vực đào tạo hình thành đội ngũ chuyên gia về các lĩnh vực khác nhau trong hoạt động bảo hộ quyền SHTT. Các chương trình đào tạo về SHTT ở các trường ĐH Việt Nam có thể được thiết kế với mục tiêu, thời lượng, nội dung đa dạng và phong phú xuất phát từ đặc thù chuyên môn của từng trường, từng lĩnh vực đào tạo.

- Tuyển dụng: Trường ĐH cần tuyển dụng đội ngũ nhân lực cho văn phòng chuyên trách quản lí SHTT được đào tạo chuyên môn nghiêm túc về SHTT, quản trị SHTT, dành toàn bộ thời gian cho công việc phụ trách quản lí SHTT.

- Bồi dưỡng: Các chuyên viên phụ trách quản lí SHTT trong trường ĐH phải tham dự ít nhất một khóa đào tạo về quản trị SHTT, chú trọng công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, tham gia các chuyên đề bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ quản trị SHTT, mặt khác, việc trao đổi, hợp tác chia sẻ kinh nghiệm giữa các trường ĐH trong nước và trên thế giới cần được tổ chức thực hiện nhằm tích lũy thêm chuyên môn cho cán bộ chuyên trách.

*c. Tăng cường gắn kết trường đại học với các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn cả nước (kết nối nghiên cứu và thực tiễn)*

Trên thực tế, Việt Nam đã có đầy đủ hành lang pháp lí cho các trường ĐH chuyển giao tri

thức vào cuộc sống. Chính phủ (2005) đã ban hành Nghị định 115 về Doanh nghiệp KH&CN trao quyền tự chủ cho các đơn vị KH&CN [7,11]. Việc tăng cường gắn kết trường ĐH và các tổ chức, doanh nghiệp nhằm chuyển giao kết quả nghiên cứu, những sáng tạo khoa học từ trường ĐH đi vào cuộc sống và phát huy được hiệu quả kinh tế; thậm chí, cần mạnh dạn khai thác tiềm năng chất xám và cơ sở vật chất của mình thông qua việc thành lập những công ty, các doanh nghiệp trực thuộc ngay đơn vị mình để có thể chuyển giao tri thức vào cuộc sống một cách thiết thực nhất, thúc đẩy và tăng tốc quá trình chuyển giao CGCN, các mối quan hệ này cần được xây dựng trên cơ sở bình đẳng, hiểu biết lẫn nhau và làm lợi cho nhau. Như vậy, để chuyển giao tri thức vào cuộc sống và tạo ra hiệu quả kinh tế, các trường ĐH Việt Nam cần tăng cường gắn kết hoạt động CGCN giữa trường ĐH và doanh nghiệp trên cả nước, đặc biệt là thành lập các mô hình doanh nghiệp/công ty/tổ chức trong trường ĐH để tăng tốc quá trình chuyển giao, trong đó, trường ĐH cần xác định rạch ròi cơ chế hoạt động của doanh nghiệp cũng như có cơ chế CGCN theo định hướng nhu cầu thị trường.

Quản lý hoạt động SHTT là một công việc phức tạp và lâu dài, liên quan đến nhiều bộ phận chức năng khác nhau, do đó, trong quản lý hoạt động SHTT ở trường ĐH, sự hỗ trợ của nhà nước, sự phối hợp của nhiều thành phần, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan từ việc ban hành và triển khai cơ chế, chính sách phù hợp đến việc đăng ký quyền SHTT, giám sát thực thi và thực hiện chế tài đối với vi phạm các đối tượng SHTT là một trong những vấn đề cần quan tâm. Chính vì vậy, trước hết cần nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với SHTT, đồng thời đẩy mạnh hoạt động quản lý SHTT từ những nguồn nội sinh, trong đó có các trường ĐH.

### 3. Kết luận

Quản lý SHTT trong các trường ĐH là một yêu cầu cấp thiết hiện nay khi việc bảo hộ, khai thác bản quyền SHTT của nhà trường gần như không được quan tâm thích đáng, nhiều vi phạm bản quyền SHTT đang diễn ra phổ biến môi trường ĐH. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm từ mô hình quản lý SHTT của ĐH quốc gia Campinas – Brazil, tác giả đề xuất một số định hướng vận dụng bài học kinh nghiệm trong quản lý hoạt động SHTT ở trường ĐH Việt Nam như: Xây dựng bộ máy chuyên trách quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH; Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhân viên bộ máy chuyên trách quản lý SHTT trong trường ĐH; Tăng cường gắn kết trường ĐH với các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn cả nước; Phối hợp đồng bộ trong quản lý hoạt động SHTT nhằm hướng đến tạo lập môi trường ổn định cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong nhà trường ĐH, đảm bảo quyền lợi của các nhà khoa học và lợi ích mà sản phẩm khoa học mang lại cho xã hội, đưa các trường ĐH tại Việt Nam thực sự hội nhập trong việc tổ chức dịch vụ giáo dục với toàn cầu.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Rosana Ceron Di Giorgio, 2006. *From University to Industry: Technology Transfer at Unicamp in Brazil*. Retrieved from <http://www.iphandbook.org/handbook/ch17/p16/index.html>
- [2] Sabrina da rosa pojo, Valeria schneider, Aurora carneiro sen, Henrique machado barros, 2013. *Management of Intellectual Property in Brazilian Universities: a Multiple Case Study*. Retrieved from [https://www.insper.edu.br/en/wp-content/uploads/2014/01/2013\\_wpe330.pdf](https://www.insper.edu.br/en/wp-content/uploads/2014/01/2013_wpe330.pdf)
- [3] Nguyễn Thị Quế Anh, 2008. *Nhu cầu đào tạo về Sở hữu trí tuệ trong các trường Đại học Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật 24. 9 -17
- [4] Bảo Tiên, 2013. *Quản lý các đối tượng sở hữu trí tuệ ở Trường Đại học: Thực trạng chính sách và thực tiễn áp dụng tại Đại học Huế*. Luận văn thạc sỹ Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.



- [5] Bộ GD-ĐT, 2008. *Quyết định Ban hành quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học*, theo Quyết định số: 78/2008/QĐ-BGDĐT kí ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.
- [6] Bộ GD-ĐT, 2007. Tài liệu hội thảo “Hoạt động SHTT trong các trường đại học”. Hà Nội.
- [7] Chính phủ, 2005. Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức KH&CN công lập.
- [8] Kamil Idris, 2005. *SHTT, một công cụ phát triển kinh tế hữu hiệu*. Nxb WIPO.
- [9] Phạm Anh Tuấn, 2011. *Quản lý nhà nước về SHTT*. Nxb Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội.
- [10] Anh Vũ, 2017. *Chuyển giao công nghệ từ trường ĐH: kinh nghiệm Brazil*. Tạp chí Thông tin KH&CN (STINFO) số 1&2, Sở KH&CN TP.Hồ Chí Minh, 1&2, 15-16.
- [11] Nhân dân, 10/5/2017. *Công ty trực thuộc đại học – Kết nối nghiên cứu và thực tiễn*. Khai thác từ <http://www.nhandan.com.vn/khoahoc/khoa-hoc/item/32517902-cong-ty-truc-thuoc-dai-hoc-ket-noi-nghien-cuu-va-thuc-tien.html>.
- [12] Top Universities, 6/9/2017. *QS University Rankings: Latin America 2015*. Retrieved from <https://www.topuniversities.com/university-rankings/latin-american-university-rankings/2015>
- [13] Wikipedia, 6/9/2017. *University of Campinas*. Retrieved from [https://en.wikipedia.org/wiki/University\\_of\\_Campinas](https://en.wikipedia.org/wiki/University_of_Campinas).

### ABSTRACT

#### **Lessons learnt from National University of Campinas, Brazil on intellectual property management in university**

*Pham Thi Thuy Hang and Nguyen Thanh Hung*

*Department of Psychology - Education, University of Education, Hue University*

This article introduces The model of University of Campinas (Unicamp) regarding to intellectual property management (IPR). Over the years, Unicamp has successfully applied IPR policies that created breakthroughs in IPR protection and technology transfer. The policies focus on the exploitation of IPR elements to apply the results of research into life, promoting creativity such as establishing a specialized agency on technology transfer; focusing on staff; identifying the way to distribute profits - stimulating creativity with financial leverage is a lesson from the University of Campinas. The study of the IP management model at Unicamp is also the basis for collating and proposing appropriate policies applied in the management of intellectual property activities for Vietnamese universities.

**Keywords:** Intellectual Property, Intellectual Property Management, Intellectual Property Management in Universities.